

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55/2021/DS-ST**
Ngày 25/6/2021
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt;
2. Ông Phan Minh Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 143/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà N.T.N.B, sinh năm 1957; Có mặt.

- Ông N.T.Tr, sinh năm 1957; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Đ, thị trấn N, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tr: Bà N.T.N.B, sinh năm 1957, địa chỉ: ấp Đ, thị trấn N, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 20/4/2021). Có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông N.V.H, sinh năm 1971;

- Bà L.K.T, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã TG, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà N.T.N.B và ông N.T.Tr ủy quyền cho bà N.T.N.B trình bày như sau:*

Vào ngày 23/01/2020, vợ chồng ông bà có cho vợ chồng ông N.V.H và bà L.K.T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 2%/ tháng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Khi vay tiền, vợ chồng ông H và bà T có giao cho vợ chồng ông bà giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05198 QSDĐ/mH do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 05/12/2003, đính kèm theo hồ sơ kỹ thuật khu đất số 11-11-03-068/TĐ.GCN do Phòng Xây dựng và Phát triển nông thôn huyện Thoại Sơn lập ngày 18/12/2003 mang tên của ông H và bà T. Sau khi vay, ông H và bà T có trả lãi cho vợ chồng ông bà được 2 lần, 1 lần 3.000.000 đồng và 1 lần 2.000.000 đồng, tổng cộng được 5.000.000 đồng thì ngưng trả lãi tới nay. Hiện nay, ông H và bà T còn nợ vợ chồng ông bà số tiền vốn vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Vì vậy, vợ chồng bà yêu cầu ông H và bà T cùng có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ 23/3/2020 đến ngày xét xử. Đồng thời vợ chồng ông bà đồng ý trả lại cho ông H và bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05198 QSDĐ/mH do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 05/12/2003, đính kèm theo hồ sơ kỹ thuật khu đất số 11-11-03-068/TĐ.GCN do Phòng Xây dựng và Phát triển nông thôn huyện Thoại Sơn lập ngày 18/12/2003 mang tên của ông H và bà T, khi nào ông H và bà T trả xong tiền cho vợ chồng bà.

Tại phiên tòa, bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu tính lãi suất. Bà yêu cầu ông H và bà T trả tiền lãi cho bà theo quy định của pháp luật trên số tiền nợ 100.000.000 đồng tính từ ngày 23/01/2020 đến ngày xét xử, có khấu trừ số tiền lãi 5.000.000 đồng mà bà đã nhận.

* Ông N.V.H và bà L.K.T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa ngày hôm nay nhưng vắng mặt không có lý do. Ông H và bà T không cung cấp tự khai cũng như tài liệu chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Về lãi suất: Nguyên đơn trình bày sau khi vay tiền, ông H, bà T đã trả được 5.000.000 đồng tiền lãi (thỏa thuận 2%/ tháng), nay yêu cầu tính lãi suất tính từ ngày 23/01/2020 đến 25/6/2021 theo quy định của pháp luật, có khấu trừ số tiền lãi 5.000.000 đồng đã nhận. Do đương sự thỏa thuận lãi

suất 2%/ tháng tương đương 24%/ năm là vượt quá quy định của pháp luật nên lãi suất được điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 (20%/ năm tương đương 1,67%/ tháng) có khấu trừ phần lãi suất đã nhận 5.000.000 đồng.

Lãi suất được tính từ ngày 23/01/2020 đến ngày 25/6/2021 là 17 tháng 02 ngày. Tiền lãi được tính như sau: $(100.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% / \text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 28.390.000 \text{ đồng}) + (100.000.000 \text{ đồng} \times 0,0557\% / \text{ngày} \times 02 \text{ ngày} = 111.400 \text{ đồng})$. Tổng cộng là 28.501.400 đồng, trừ đi 5.000.000 đồng tiền lãi đã nhận = 23.501.400 đồng.

Đối với việc bà B giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05198 QSDĐ/mH do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 05/12/2003 cho ông H và bà T là không đúng quy định pháp luật, do đó cần buộc bà B và ông Tr trả lại cho bị đơn.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông H và bà T liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 23.501.400 đồng, tổng cộng 123.501.400 đồng; Buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05198 QSDĐ/mH do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 05/12/2003 cấp cho ông H và bà T; Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Tr và bà B yêu cầu ông H và bà T trả số tiền nợ vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông H và bà T đang cư trú tại ấp Tây Bình, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông N.V.H và bà L.K.T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H và bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tr và bà B, HĐXX xét thấy:

Căn cứ vào tờ thỏa thuận và cam kết hạn trả nợ ngày 23/01/2020, thể hiện ông H và bà T có vay của ông Tr và bà B số tiền vay là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, phía dưới tờ thỏa thuận có chữ ký và chữ viết họ tên của ông N.V.H và bà L.K.T. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận ông H và bà T có vay của ông Tr và bà B số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Theo ông Tr và bà B trình bày, khi đến hạn trả nợ ông H và bà T không thanh toán nợ cho ông bà như cam kết. Ông H và bà T không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó yêu cầu khởi kiện của ông Tr và bà B là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

Ông H và bà T vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Trong quá trình hòa giải, ông Tr và bà B yêu cầu tính lãi trên số tiền 100.000.000 đồng, tính từ ngày 23/01/2020 đến ngày xét xử. Tại phiên tòa, bà B trình bày sau khi vay tiền, ông H, bà T đã trả được 5.000.000 đồng tiền lãi (thỏa thuận 2%/tháng), tương đương đã trả được 2,5 tháng nên bà thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu tính lãi suất. Bà yêu cầu ông H và bà T trả lãi suất đối với số tiền 100.000.000 đồng theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 23/01/2020 đến ngày xét xử là 25/6/2021 (tổng cộng là 17 tháng 02 ngày) với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, có khấu trừ số tiền lãi 5.000.000 đồng đã nhận. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào Điều 224 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, HĐXX chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Việc thỏa thuận lãi suất 2%/tháng (tương đương 24%/ năm) là vượt quá quy định của pháp luật nên lãi suất được điều chỉnh theo quy định. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, ông H và bà T phải trả cho ông Tr và bà B số tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tương đương 1,67%/tháng, cụ thể là:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 28.501.400 \text{ đồng}.$

Khấu trừ số tiền lãi 5.000.000 đồng mà ông Tr và bà B đã nhận nên số tiền lãi ông H và bà T còn phải trả là 23.501.400 đồng (làm tròn 23.501.000 đồng).

Tổng cộng tiền gốc và lãi ông H và bà Tr phải trả là: 100.000.000 đồng + 23.501.000 đồng = 123.501.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu, năm trăm lẻ một ngàn đồng).

[2.3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và đã đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, việc nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn là không có căn cứ và không có cơ sở pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bị đơn xét thấy là cần thiết và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H và bà T phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.T.Tr và bà N.T.N.B:

Buộc ông N.V.H và bà L.K.T cùng có nghĩa vụ trả cho ông N.T.Tr và bà N.T.N.B số tiền tổng cộng là 123.501.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu, năm trăm lẻ một ngàn đồng). Trong đó: Số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lãi là 23.501.000 đồng (hai mươi ba triệu, năm trăm lẻ một ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ông N.T.Tr và bà N.T.N.B có nghĩa vụ trả cho ông N.V.H và bà L.K.T bản chính 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05198 QSDĐ/mH do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 05/12/2003, đính kèm theo hồ sơ kỹ thuật khu đất số 11-11-03-068/TĐ.GCN do Phòng Xây dựng và Phát triển nông thôn huyện Thoại Sơn lập ngày 18/12/2003 mang tên của ông N.V.H và bà L.K.T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về tiền tạm ứng án phí: Ông N.T.Tr và bà N.T.N.B thuộc trường hợp được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

- Ông N.V.H và bà L.K.T phải chịu 6.175.000 đồng (sáu triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang.
- VKSND H.Thoại Sơn.
- Chi cục THADS H.Thoại Sơn.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân